

# POSITIVE INFLUENCE OF BUDDHISM PHILOSOPHY ON THE SOCIAL LIFE OF VIETNAM TODAY

Tran Thi Hoa

Ho Chi Minh City University of Technology, Vietnam National University Ho Chi Minh City

Email: [hoatranthi@hcmut.edu.vn](mailto:hoatranthi@hcmut.edu.vn)

Received: 16/6/2024; Reviewed: 01/7/2024; Revised: 12/7/2024; Accepted: 30/7/2024; Released: 30/9/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/necd/319>

Buddhism is an ideological movement that was born in India in the 6th century (B.C) and was introduced to Vietnam around the 2nd century (AD). With philosophies of life such as compassion, joy, forgiveness, salvation from suffering, reincarnation, karma,... Buddhism has had a profound influence on the spiritual and social life of Vietnam. In particular, the trend of globalization and international integration in recent years has created conditions for religions and beliefs in Vietnam, including Buddhism is increasingly influencing social life. This article clarifies the basic contents of Buddhism philosophy of life and its positive influences on Vietnamese social life today in terms of ethics, culture, art, environmental protection... On that basis, the author proposes some groups of solutions to further promote the positive and humanity factors of Buddhism in Vietnamese social life in the coming time.

**Keywords:** *Buddhism; Philosophy of life; Religion; Social life.*

## 1. Đặt vấn đề

Du nhập vào Việt Nam từ những năm đầu công nguyên, Phật giáo (PG) đã được đông đảo quần chúng nhân dân đón nhận một cách tự nhiên, nhanh chóng trở thành một trong những tôn giáo lớn ở nước ta. Với những triết lý nhân sinh (TLNS) sâu sắc, thấm đượm tinh thần nhân văn cùng phương châm “Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội”, PG đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của dân tộc, góp phần làm nên bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Tư tưởng về “vô thường, vô ngã”, “từ, bi, hỷ, xả”, cứu khổ, cứu nạn ... đã hoàn quyện với lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, lòng yêu thương con người, có trách nhiệm với cộng đồng, giàu lòng vị tha... trong đạo đức truyền thống của người dân Việt Nam tạo nên sức mạnh đoàn kết để dân tộc Việt Nam đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ vững chắc Tổ quốc: “Trong quá trình du nhập và phát triển, PG đã chứng tỏ là tôn giáo hòa bình, dung hợp với các tín ngưỡng truyền thống của người Việt” (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, tr.13). Trong giai đoạn hiện nay, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế bên cạnh những thời cơ thuận lợi cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức. Sự phát triển nhanh chóng của đời sống xã hội, quá trình đô thị hóa, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã gây ra những ảnh hưởng không tích cực, làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc. Một bộ phận không nhỏ người dân, đặc biệt là lớp trẻ có tư tưởng sùng bái các giá trị vật chất, đề cao chủ nghĩa cá nhân, sa vào các tệ nạn xã hội, quay lưng lại với các giá trị truyền thống, ảnh hưởng đến sự ổn định, phát triển của đất nước và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Đạo đức, lối sống

trong gia đình, học đường, xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, gây bức xúc cho xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b, tr.77). Thực trạng này đã đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải huy động mọi nguồn lực để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống và xây dựng một nền đạo đức trong sáng cùng lối sống có trách nhiệm nhằm “xây dựng con người Việt Nam thời đại mới”. Với các giá trị là những giới luật cùng những chuẩn mực đạo đức trong Ngũ giới, Thập thiện, Lục độ... có vai trò giáo hóa con người làm nhiều việc thiện và tránh xa cái ác, PG đã có những đóng góp không nhỏ tới công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay. Do đó, việc khai thác những yếu tố tích cực trong TLNS của PG, phát huy những ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay đang ngày càng trở nên cấp bách: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước”.. Trong Chiến lược hiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, Đảng ta xác định: “Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021a, tr.272). Vì vậy, việc nghiên cứu những ảnh hưởng của TLNS đến đời sống xã hội Việt Nam hiện nay có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

TLNS PG và những ảnh hưởng tích cực của nó trong đời sống xã hội Việt Nam là một đề tài thu hút

sự quan tâm của đông đảo các học giả, nhà nghiên cứu, trong đó có thể kể đến một số nghiên cứu tiêu biểu như: *Nhân sinh quan Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam* (Bình, 2018); *Triết lý phát triển ở Việt Nam mấy vấn đề cốt yếu* (Nam, 2008); *Mấy suy nghĩ về triết học và triết lý* (Quý, 1998); *Triết lý nhân sinh của Đạo gia và ảnh hưởng của nó đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XV-XVIII* (Tuệ, 2018); *Nghệ thuật Phật giáo trong đời sống hôm nay* (Chương, 2010); *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam* (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022),... Nhìn chung, ở nước ta đã có nhiều nghiên cứu về TLNS PG trên nhiều phương diện, nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có tác giả nào nghiên cứu những ảnh hưởng tích cực của TLNS PG trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay một cách toàn diện trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn. Do vậy, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả kế thừa những công trình nghiên cứu nêu trên, trong những giới hạn nhất định, chúng tôi tập trung làm rõ những vấn đề lý luận chung về TLNS PG cũng như những ảnh hưởng, đồng thời đề xuất một số giải pháp phát huy những ảnh hưởng tích cực của TLNS PG đến đời sống xã hội Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện dựa trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: lịch sử và logic, phương pháp phân tích, tổng hợp, diễn dịch và quy nạp, đối chiếu, so sánh.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến triết lý nhân sinh Phật giáo

Trước khi đi vào làm rõ nội dung cơ bản và những đặc trưng cơ bản của TLNS PG, chúng ta cần phải làm rõ một số khái niệm liên quan đến TLNS PG như triết lý, nhân sinh, TLNS PG.

Để hiểu về nội hàm khái niệm “triết lý nhân sinh” của PG, trước hết cần phải làm rõ khái niệm “triết lý”. Trong cuốn *Triết lý phát triển Việt Nam mấy vấn đề cốt yếu*, tác giả Phạm Xuân Nam đã định nghĩa “triết lý là kết quả của sự ngẫm, chiêm nghiệm và đúc kết thành những quan điểm, luận điểm, phương châm cơ bản và cốt lõi nhất về cuộc sống cũng như về hoạt động thực tiễn đa dạng của con người trong xã hội, chúng có vai trò định hướng trực tiếp ngược trở lại với cuộc sống và những hoạt động thực tiễn đa dạng ấy” (Nam, 2008, tr.31-32). Theo nhà nghiên cứu Hồ Sĩ Quý, triết lý được hiểu là “những tư tưởng, quan điểm hay quan niệm... mang tính khái quát cao... được sử dụng trong đời sống xã hội với tính cách là những định hướng cho hoạt động của con người về mặt thế giới quan, phương pháp luận hoặc nhân sinh quan” (Quý, 1998, tr.57). Trong bài viết *Triết lý quân sự truyền thống Việt Nam* của tác giả Nguyễn Minh Đức cho rằng: triết lý có nghĩa là “cơ sở lý luận của một hệ thống

quan điểm, một học thuyết và theo nghĩa ở mức độ cao, nó chính là những quan niệm, tư tưởng sâu sắc nhất của con người về các lĩnh vực đời sống xã hội” (Đức, 2008, tr.212). Như vậy, có thể thấy khái niệm triết lý có nhiều lớp nghĩa nhưng nhìn chung các tác giả đều cho rằng triết lý là những giá trị về đạo lý, niềm tin có vai trò định hướng hoạt động cho con người về suy nghĩ, cách ứng xử, phương châm sống và hành động. Về khái niệm “nhân sinh”, trong *Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê đã định nghĩa nhân sinh là “cuộc sống của con người” (Phê, 2003, tr.711). Theo tác giả Ngô Quang Tuệ, nhân sinh có nghĩa là “những vấn đề có liên quan đến đời sống con người, bao gồm đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người và xã hội nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội. Điều này biểu hiện mối quan hệ, cách ứng xử của con người với tự nhiên và giữa con người với nhau” (Tuệ, 2018, tr.60). Trong bài viết của học giả Tô Duy Hợp đã đề cập đến khái niệm triết lý nhân sinh với hai nghĩa cơ bản là: (1) TLNS với tư cách là “những tư tưởng, quan điểm khái quát hóa kinh nghiệm đời thường hoặc dân gian, đóng vai trò cốt lõi của... nhân sinh quan kinh nghiệm”; (2) TLNS với tư cách là “những nguyên lý nền tảng của lý thuyết triết học (hay của Triết thuyết), đóng vai trò là cơ sở của triết thuyết” (Hợp, 2018, tr.47).

Trên cơ sở làm rõ những khái niệm nêu trên, có thể khẳng định TLNS PG là một bộ phận giữ vai trò trung tâm và phản ánh những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng triết học PG về bản chất của con người, ý nghĩa của cuộc đời con người. Như chúng ta biết, PG ra đời trong xã hội Ấn Độ cổ đại đã được phân chia thành 5 đẳng cấp rất nghiêm ngặt là Brahman, Kshatriya, Vaisya, Sudra và Pariah, trong đó 3 đẳng cấp trên được hưởng đặc quyền đặc lợi. Trước tình hình đó, Phật giáo ra đời đã trở thành điểm tựa tinh thần cho những con người ở địa vị đáy cùng của xã hội, thể hiện khát vọng về một cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc và bình đẳng của quần chúng nhân dân. Qua việc khảo cứu các khái niệm liên quan ở trên, có thể hiểu: *TLNS PG là những nguyên lý nền tảng của triết học PG về con người và con đường giải thoát con người khỏi những nỗi khổ đau của cuộc đời.*

#### 4.2. Nội dung cơ bản của triết lý nhân sinh Phật giáo

Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung luận giải TLNS PG trên các phương diện: triết lý về vô thường - vô ngã; triết lý nhân quả, nghiệp báo; triết lý về sự khổ và triết lý về giải thoát.

*Thứ nhất, triết lý về vô thường - vô ngã của PG.* Theo thuyết vô thường, một trong những thuyết cơ bản của giáo lý PG, mọi sự vật hiện tượng trong thế giới luôn luôn vận động, biến đổi không ngừng: “Sự vật luôn luôn biến dịch, không có gì là thường trụ, bất biến” (Trung tâm tư liệu Phật học - Bồ Đề Tân Thanh, 2013, tr.73). Xuất phát từ quan điểm cho rằng bản chất của thế giới là vô thường, PG đã lý

giải về cuộc đời con người là dòng chảy liên tục từ quá khứ đến hiện tại và tương lai: “Con người, cây cỏ, động vật được sinh ra, lớn lên, trưởng thành và chết đi.” (Narada Maha Thera, 2000, tr.71). Do đó, thuyết vô ngã của PG đi đến khẳng định không có cái ta trường tồn, vĩnh cửu: “Cái ta đã vô thường, đã biến chuyển từng phút, từng giây, từng sátna, không có một cái ta vĩnh cửu” (Trung tâm tư liệu Phật học - Bồ Đề Tân Thanh, 2013, tr.81). PG giải thích sai lầm của con người là do không nhận thức được sự biến đổi vô cùng vô tận của vạn vật và chúng sinh nên con người đã lầm tưởng rằng cái ta có thể tồn tại vĩnh viễn. Từ chỗ quan niệm có một cái ta vĩnh viễn là nguồn gốc sinh ra những tham vọng không đáy của những kẻ chỉ biết dựa vào sức mạnh để làm lợi cho mình: “những kẻ sống chỉ biết mưu cầu hạnh phúc cho riêng bản thân mình, bất chấp cả việc làm tổn thương đến người khác, sống như thể là vô vinh, là trái đạo, sống như thể là tạo ác báo. Đó là cách sống thấp hèn, vô đạo đức” (Trung tâm tư liệu Phật học - Bồ Đề Tân Thanh, 2013, tr.81-82). Trên cơ sở đó, PG cho rằng mọi chúng sinh không kẻ địa vị, sang hèn đều có một bản tính giác ngộ, tức Phật tính. Điều đó có nghĩa là mọi người đều có khả năng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để đạt được sự giải thoát khỏi cái vô ngã, vô thường.

*Thứ hai, triết lý nhân quả, nghiệp báo của PG.* Theo thuyết nhân quả, vạn vật trong vũ trụ đều có quá trình vận động, biến đổi tuân theo quy luật nhân quả và có mối liên hệ mật thiết lẫn nhau. PG cho rằng nhân là yếu tố khởi nguồn, là cái sản sinh ra kết quả: “sự vật không bao giờ tự nhiên mà có, mà sinh ra và cũng cho rằng không có một thần quyền hay một đấng thiêng liêng nào tạo ra sự vật. Phật chủ trương mọi vật sinh ra là có nguyên nhân” (Trung tâm tư liệu Phật học - Bồ Đề Tân Thanh, 2013, tr.111). Song, PG cũng cho rằng nhân gặp đủ duyên mới sinh ra quả, ngược lại quả sau khi sinh ra nếu đủ duyên lại biến thành nhân. Cứ như vậy, nhân duyên là một chuỗi liên hệ nhân với quả, quả với nhân nối tiếp nhau, biến hóa vô thường, được giáo lý Phật giáo giải thích tường tận trong “Thập nhị nhân duyên” - mười hai nguyên nhân dẫn đến nỗi khổ của con người. Phủ nhận vai trò sáng thế của đấng tối cao nào đó, PG khẳng định nghiệp do hành động của con người gây ra, là động cơ tạo nên chuỗi nhân quả: “con người làm chủ vận mệnh của mình, tất cả là do con người quyết định, gây nghiệp thì phải chịu nghiệp báo, hay tu hành, gieo căn lành, gây nghiệp thiện để chuyển nghiệp cũng do con người, không có thần quyền nào can thiệp, không có một số mệnh nào định đoạt cả” (Trung tâm tư liệu Phật học - Bồ Đề Tân Thanh, 2013, tr.87). Như vậy, với thuyết nhân quả, nghiệp báo, Phật giáo đã cho chúng ta hiểu rằng con người có thể tự quyết định vận mệnh của mình, không có một lực lượng siêu tự nhiên hay thế lực thần quyền nào có quyền phán xét, ban thưởng hay trừng phạt những việc làm tốt xấu do con người gây ra.

*Thứ ba, triết lý về sự khổ của Phật giáo.* Theo

PG, con người sinh ra ở đời là khổ “Đời là bể khổ” và có 3 loại khổ của con người là *khổ khổ, hoại khổ, hành khổ*. Trên cơ sở đó, PG đã chỉ rõ mọi cái khổ của con người đều có nguyên nhân xuất phát từ Vô minh, tức là không sáng suốt, không nhận thức được mọi sự vật trong thế giới đều là ảo ảnh mà cứ cho là thật, tụ chung lại thành 10 loại là *tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến*. Trong đó, ba nguyên nhân chính gây nên nỗi khổ của con người là *tham, sân, si* mà Phật gọi là tam độc. Song, PG cũng cho rằng mọi nỗi khổ của con người đều có thể bị tiêu diệt nếu gốc của mọi tham ái được tận diệt. Điều đó có nghĩa là chỉ cần cái vô minh phải bị xóa bỏ thì mọi nỗi khổ của con người cũng chấm dứt: “Chỉ khi nào con người muốn đoạn diệt hết vô minh và ái dục, dòng đời lúc ấy mới ngừng chảy và luân hồi cũng chấm dứt” (Narada Maha Thera, 2000, tr. 109).

*Thứ tư, triết lý về sự giải thoát của Phật giáo.* Có thể nói, giải thoát là một phạm trù trung tâm, mục đích tối thượng của PG: “Vĩ như biển lớn chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, này Paharada, pháp và luật của Như Lai chỉ có một vị là vị giải thoát” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2005, tr.562). Theo quan niệm của đạo Phật, giải thoát là trạng thái vượt ra khỏi những ràng buộc trần thế cũng như mọi nỗi khổ đau của cuộc đời thông qua con đường tu luyện đạo đức, rèn luyện trí tuệ để diệt trừ vô minh, dập tắt dục vọng mới đạt tới Niết Bàn: “Niết bàn nghĩa đen là sự giải thoát khỏi luân hồi và kết thúc đau khổ, diệt trừ được ngọn lửa của Tam độc: tham, sân, si” (Stephen J. Laumakis, 2008, tr.19). Trên cơ sở chỉ rõ con đường giải thoát là tu tập, PG đã khẳng định biện pháp tu tập để đi đến giải thoát là *Tam học hay Bát chính đạo*.

*Tam học* gồm Giới, Định Tuệ. *Giới có chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh* là những điều cấm kỵ, những quy định giúp người tu hành không phạm lỗi lầm do thân, khẩu và ý tạo ra để hướng con người sống có đạo đức; *Định có chính định, chính niệm, chính tịnh tiến* là phương pháp giúp cho người tu hành không phân tán thân tâm, nhờ đó loại trừ được những ý nghĩ xấu, tập trung tư tưởng để làm mọi việc thiện, để có trạng thái an lạc. *Tuệ có chính kiến, chính tư duy* có nghĩa là người tu hành có trí tuệ sáng suốt đã diệt trừ được vô minh, tham dục sẽ chỉ làm những việc thiện, mưu lợi cho chúng sinh.

*Bát chính đạo* là tám con đường hay cách thức thực hành giúp con người đạt đến thành tựu giải thoát, đó là: (1) Chính kiến - nhận thức đúng, không để điều gì sai trái che lấp sự sáng suốt của mình; (2) Chính tư duy - tư duy đúng để đạt tới chân lý và giác ngộ; (3) Chính ngữ - chỉ nói những điều tốt, không nói những điều giả dối, ác độc, xấu xa; (4) Chính nghiệp - hành động đúng không làm việc gian ác; (5) Chính mệnh - sống nhân nghĩa, không tham lam, vụ lợi; (6) Chánh tinh tấn - Tinh tấn là siêng năng, chuyên cần. Siêng năng chuyên cần chân chánh thẳng tiến đến mục đích và lý tưởng mà Phật đã dạy. Hăng say làm những việc chính

đáng mạng lợi ích cho mình và cho người; (7) Chính niệm - luôn tâm niệm về đạo lý chân chính, đến điều tốt, không nghĩ đến những điều xấu xa; (8) Chính định - kiên định, tập trung tư tưởng vào chân lý, đạo lý chân chính, đạt tới giác ngộ.

Bên cạnh đó, PG còn đưa ra nhiều phương pháp tu tập theo *Giới luật*, nhất là thực hành *Ngũ giới*, *Thập thiện*. Trong đó, *Ngũ giới* gồm không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Do đó, nó có vị trí quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách của mỗi người bởi thực hành ngũ giới sẽ đảm bảo được cả ba mặt là thể dục, trí dục và đức dục. Còn *Thập thiện* có nghĩa là thực hành mười điều lành gồm không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói ác, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không ham dục, không nóng giận, không si mê. Qua đó, ta thấy trong mười điều lành có 3 điều về thân (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm), 4 điều về khẩu (không nói dối, không nói ác, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt) và 3 điều về ý (không ham dục, không nóng giận, không si mê).

Như vậy, những nội dung cơ bản trong TLNS PG chứa đựng giá trị nhân bản sâu sắc nên nó có ảnh hưởng tích cực đến đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

### 4.3. Ảnh hưởng của triết lý nhân sinh Phật giáo đến đời sống xã hội Việt Nam hiện nay

*Thứ nhất*, ảnh hưởng của TLNS PG đến phương diện đạo đức trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay. Với tính cách là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức phản ánh tồn tại xã hội và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội nói chung, mỗi cá nhân nói riêng. Theo *Từ điển tiếng Việt*, đạo đức có nghĩa là: “(1) Những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người với nhau và đối với xã hội. (2) Phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo tiêu chuẩn đạo đức mà có” (Phê, 2003, tr. 290). Còn theo *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, đạo đức được hiểu là: “toàn bộ những quan niệm về thiện, ác, tốt, xấu, lương tâm, trách nhiệm, nghĩa vụ, công bằng, hạnh phúc,... và về những quy tắc đánh giá, những chuẩn mực điều chỉnh hành vi cùng cách ứng xử giữa các cá nhân với nhau và giữa các cá nhân với xã hội” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021, tr.193). Từ những định nghĩa trên, đạo đức có thể hiểu là những tiêu chuẩn, những nguyên tắc được xã hội thừa nhận quy định hành vi giữa con người với con người, là phương thức điều chỉnh hành vi của con người trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các giá trị đạo đức ở Việt Nam có sự kết hợp giữa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa văn hóa của nhân loại, trong đó của triết lý nhân sinh của PG nhằm xây dựng và phát triển toàn diện con người Việt Nam trong thời đại mới.

Vai trò của TLNS PG đối với đời sống xã hội ở Việt Nam hiện nay thể hiện rõ nhất ở phương

diện đạo đức. Nó định hướng, giáo dục con người phải sống có đạo đức, làm nhiều việc thiện lành thì sẽ gặt hái được những quả ngọt “Ồ hiền lành gặp lành”, sống trái với luân thường đạo lý thì sớm hay muộn cũng sẽ bị quả báo. PG khuyên con người sống hướng thiện, khiêm nhường, bác ái... bởi chỉ có tình thương và lòng nhân ái mới giúp con người từ bỏ thói ích kỷ, lòng tham và diệt trừ tam độc (tham, sân, si). Cụ thể thuyết nhân quả trong PG có vai trò giáo dục mỗi cá nhân con người trong cộng đồng xã hội phải tự biết tu dưỡng, rèn luyện và trau dồi những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, cố gắng gieo nhiều mầm thiện để tích đức; thuyết nghiệp báo luân hồi làm cho con người cá nhân phải tu dưỡng bản thân, luôn có tấm lòng từ bi, bao dung, tích cực làm điều thiện và tránh xa cái ác. Trên thực tế, hiện nay đại đa số người dân Việt Nam có thái độ phần nộ và mong muốn những kẻ gian ác, làm ăn phi pháp đều bị pháp luật trừng trị; ngược lại những người sống thật thà, lương thiện đều sẽ có cuộc sống tốt đẹp. Bên cạnh đó, việc đề cao giáo lý “Tứ ân” (Ân Tam bảo, ân cha mẹ, ân Tổ quốc và ân chúng sinh) trong TLNS PG đã yêu cầu mỗi người không chỉ biết đền ân “Tam bảo” mà còn phải biết hiếu thuận với cha mẹ, với quê hương đất nước và với mọi người xung quanh. Trong bốn ân trên, ân cha mẹ là cơ bản và phổ biến nhất. Bởi đạo đức gia đình thể hiện qua tấm lòng của con cái đối với cha mẹ, ông bà vợ chồng với nhau. Điều đó có nghĩa là con cái phải giữ trọn đạo hiếu với cha mẹ là một đức tính tốt đẹp được người đời ca tụng, là nhân tố quan trọng đảm bảo gia đình yên ấm, hạnh phúc. Trong *Văn kiện đại hội đại biểu Phật giáo Việt Nam toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2022-2027* đã khẳng định hiện có 1.035 đơn vị gia đình Phật tử sinh hoạt theo hình thức Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở 34 tỉnh thành. Đáng chú ý là Lễ Vu Lan báo hiếu được tổ chức hàng năm vừa là dịp để con cháu thể hiện lòng thành kính, hiếu thảo với cha mẹ, ông bà, tổ tiên; vừa là lời nhắc nhở trách nhiệm của người làm con phải luôn nhớ đến công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, phát huy truyền thống tốt đẹp “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam. Ngoài Lễ Vu Lan báo hiếu, PG còn tổ chức lễ Hằng thuận cho các cặp đôi trước khi kết hôn. Còn đối với Tổ quốc, với tinh thần hướng về Trường Sa thân yêu của Tổ quốc, Đại lễ Phật đản năm 2014 diễn ra ở tỉnh Ninh Bình, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đề cập đến tình hình biển Đông và kêu gọi Tăng ni, Phật tử cả nước cũng như quốc tế lên án hành động đặt giàn khoan HD 981 của Trung Quốc ở biển Đông. Qua đó, thể hiện lòng yêu chuộng hòa bình và động viên cán bộ, chiến sĩ trên đảo Hoàng Sa. Bên cạnh đó, để thể hiện tinh thần tri ân đối với các anh hùng Liệt sĩ đã anh dũng hy sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân, Trung ương Giáo hội đã kêu gọi các cơ sở Tự viện, Tịnh xã, Tịnh thất, Niệm Phật đường trên cả nước vào lúc 06 giờ ngày 27/7 hàng năm đồng loạt gióng 09 hồi chuông u minh; tổ chức đại lễ cầu siêu năm tưởng niệm, tri ân các anh hùng liệt sĩ; tặng quà

cho các chiến sĩ biên phòng, giúp đỡ có công với Cách mạng, gia đình liệt sĩ, các bà mẹ Việt Nam anh hùng...

Hưởng ứng chương trình “Thập kỷ hành động vì an toàn đường bộ giai đoạn 2021-2030”, Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phối hợp với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia tổ chức Lễ Tưởng niệm và Cầu siêu cho các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông nhằm chia sẻ nỗi đau, sự mất mát với gia đình nạn nhân, qua đó kêu gọi cộng đồng xã hội khi tham gia giao thông phải có ý thức và chấp hành tín hiệu giao thông hướng đến mục tiêu giảm thiểu tai nạn giao thông. Đặc biệt, trong đại dịch Covid-19 tại các địa phương, Tăng ni, Phật tử cả nước đã hướng về vùng tâm dịch, đóng góp nguồn lực cho các Quỹ phòng, chống dịch Covid-19, mua sắm thiết bị y tế ủng hộ các bệnh viện; ủng hộ lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu tổ chức các bữa cơm yêu thương phục vụ người dân trong thời gian giãn cách xã hội. Với tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam “Lá lành đùm lá rách”, Phật tử cả nước đã nỗ lực vận động tài chính cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, đồng bào vùng sâu, vùng xa, xây dựng các căn nhà tình nghĩa, tổ chức 120 lớp học Tình thương, trợ cấp học bổng cho sinh viên nghèo học giỏi; 64 cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú; 46 trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi; 15 Trung tâm nuôi dưỡng 527 cụ già, neo đơn...

*Thứ hai*, ảnh hưởng của TLNS PG đến phương diện văn hóa nghệ thuật ở Việt Nam hiện nay. Có thể nói, TLNS PG đã hòa nhập với văn hóa truyền thống của dân tộc đã có những ảnh hưởng nhất định đến kiến trúc, âm nhạc, ẩm thực ... góp phần tạo nên nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. Trong kiến trúc, các cơ sở thờ tự của PG ở Việt Nam hiện nay như chùa, tổ đình, niệm Phật đường, tịnh xá, tịnh xá, tịnh xá, tịnh thất, thiền viện... vẫn giữ được nét cổ kính, uy nghi phù hợp với tín ngưỡng tâm linh của người Việt. Có thể kể đến chùa làng, nơi thờ Phật và cũng là nơi diễn ra các sinh hoạt Phật giáo của cả cộng đồng, trưng bày nhiều tác phẩm nghệ thuật điêu khắc có giá trị nghệ thuật cao như tượng, hoành phi, câu đối... gắn liền với những huyền thoại, truyền thuyết có giá trị văn học. Đồng thời, các họa tiết điêu khắc của chùa làng đều thể hiện ý nghĩa trong TLNS PG như kiến trúc hình bánh xe có tám hoặc mười hai nan hoa tượng trưng cho bát chính đạo hoặc thập nhị nhân duyên... Do đó, khi đến chùa không chỉ để tỏ lòng thành kính, hướng thiện, cầu mong được an lạc, hạnh phúc mà còn văn cảnh chùa và không gian thanh tịnh trong chùa làng sẽ mang đến cảm giác được giải thoát mọi ồn ào, những lo toan vất vả của cuộc sống mưu sinh. Bên cạnh lĩnh vực kiến trúc, âm nhạc cũng có những ảnh hưởng của TLNS PG, như ca khúc “Bà tôi” mang âm hưởng PG của tác giả Nguyễn Vĩnh Tiến kết hợp nội dung ca từ gần gũi khắc họa nét văn hóa đặc trưng với hình ảnh người bà rất

đôi quen thuộc của làng quê Việt Nam cùng triết lý sống có ý nghĩa, làm nhiều điều thiện đã lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống xã hội: “câu hát hoàn toàn được khai thác từ âm hưởng của các câu tụng trong âm nhạc Phật giáo” (Chuong, 2010, tr.251); ca khúc “Mưa rơi tháp cổ” của nghệ sĩ Trần Tiến đã làm cho người nghe có cảm giác được thả hồn vào lịch sử văn hóa đã tồn tại hàng nghìn năm của dân tộc, qua đó khơi gợi trong họ những giá trị nhân văn, vươn tới khát vọng Chân - Thiện - Mỹ; ca khúc của nhạc sĩ An Thuyên có tựa đề “Phật bà nghìn mắt nghìn tay” đã tạo hiệu ứng xã hội tích cực giúp công chúng yêu nhạc, nhất là giới trẻ đến gần hơn với TLNS của PG. Ngoài ra, còn rất nhiều ca khúc như “Mẫu thượng ngàn”, “Đội gạo lên chùa”... cũng đã thể hiện tinh thần từ bi, hỷ, xả, cứu khổ, cứu nạn... và trở thành nguồn sức mạnh tinh thần nội sinh để người dân vượt qua mọi khó khăn trong cuộc đời. Bên cạnh đó, Giáo hội Phật giáo còn tổ chức thành công nhiều lễ hội văn hóa PG gắn với văn hóa dân gian đã và đang góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

*Thứ ba*, ảnh hưởng của TLNS PG đến phương diện bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay. Tư tưởng từ bi, cứu khổ, cứu nạn ... của PG không chỉ dạy con người phải yêu thương lẫn nhau mà còn phải yêu thương cả môi trường thiên nhiên - sống hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng và bảo vệ cỏ cây, muôn loài sống trên trái đất này. Điều này được phản ánh rất rõ trong triết lý Duyên khởi của PG: “Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt” (Đạt dịch, 2010, tr.112). Theo Duyên khởi, mọi sự vật trên thế giới đều có mối quan hệ tác động qua lại, phụ thuộc lẫn nhau, nên con người phải sống thân thiện với môi trường bởi mọi hiểm họa về môi trường, vấn đề biến đổi khí hậu... đều là hậu quả của tam độc (Tham, Sân, Si) của con người đối với thế giới tự nhiên. Phật giáo khuyên con người phải đối xử với thiên nhiên theo nguyên tắc trung đạo, thân thiện với môi trường và không được giết hại chúng sinh: “Trong các tội, sát nặng nhất; trong các công đức, không sát đứng đầu” (Đạt, 2010, tr.135). Điều này được thể hiện ngay trong việc kiến tạo không gian xanh, thanh tịnh ở các cơ sở thờ tự của PG. Hình ảnh những ngôi chùa, thiền viện với cây cối xanh tươi, hồ nước trong mát, không khí trong lành và nếp sống an lành, thân thiện với môi trường đã góp phần tích cực trong việc gắn kết con người với môi trường tự nhiên, qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên của người dân và du khách thập phương. Bên cạnh đó, PG còn phát động phong trào “trồng cây phúc đức” trên khắp cả nước, tổ chức cuộc thi về ăn chay bảo vệ môi trường... Trong *Văn kiện đại hội đại biểu Phật giáo Việt Nam toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2022-2027* đã viết: “có hàng trăm bài viết... , hàng chục phóng sự, clip trên Truyền hình An Viên và trên các trang điện tử, trang web của PG, hàng ngàn bức ảnh về các hoạt động

như nhặt rác, trồng cây, phóng sinh, tổ chức các câu lạc bộ thiện nguyện chung tay bảo vệ môi trường” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2022, tr.55). Đồng thời, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng các tôn giáo tham gia ký kết với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Có thể nói, TLNS PG đã có những ảnh hưởng tích cực trong đời sống xã hội ở Việt Nam hiện nay trên các phương diện đạo đức văn hóa nghệ thuật, bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu. Điều đó đã khẳng định những tư tưởng vô ngã, vô thường, nghiệp báo, ngũ giới, thập thiện... của PG đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

#### 4.4. Giải pháp nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực của triết lý nhân sinh Phật giáo đến đời sống xã hội Việt Nam hiện nay

*Thứ nhất*, quán triệt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát huy vai trò của tôn giáo nói chung, PG nói riêng trong việc phát triển toàn diện con người Việt Nam, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về những giá trị tích cực của TLNS PG trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay. Đặc biệt, với tinh thần “nhập thế” cùng phương châm “Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội”, PG đã trở thành một trong những nguồn lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí của toàn xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời, cần kiên quyết đấu tranh chống lại các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo để phá hoại thành quả cách mạng, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

*Thứ hai*, hoàn thiện chính sách, pháp luật của Nhà nước tạo hành lang pháp lý cho việc phát huy những giá trị tích cực của TLNS PG. Nhìn chung, cho đến nay, Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống chính sách, pháp luật tương đối toàn diện đối với hoạt động của các cá nhân, tổ chức tôn giáo. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay cùng với mặt trái của nền kinh tế thị trường đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến đời sống tôn giáo cũng các hoạt động sinh hoạt PG. Do đó, cần phải tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản dưới luật về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng,

tôn giáo nói chung, PG nói riêng.

*Thứ ba*, chú trọng xây dựng đội ngũ quản lý, đặc biệt là lực lượng cán bộ cơ sở để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tín đồ PG; đồng thời, nhanh chóng triển khai các biện pháp đấu tranh, kịp thời dập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng PG để chống phá chế độ. Bên cạnh đó, phải nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tôn giáo, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong công tác quản lý tôn giáo trong tình hình hiện nay. Cùng với đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần có các chủ trương hành động cụ thể nhằm động viên, khuyến khích và hướng dẫn các phật tử hành đạo trong khuôn khổ luật pháp, tham gia tích cực vào các hoạt động của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội. Trên cơ sở đó, góp phần phát huy vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc lan tỏa những giá trị tích cực trong TLNS PG đối với đời sống xã hội.

#### 5. Thảo luận

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, để làm rõ một số nội dung cơ bản trong TLNS PG và những ảnh hưởng tích cực của nó đến đời sống xã hội Việt Nam trên các phương diện trong bối cảnh hiện nay, chúng ta cần tiếp tục quan tâm, nghiên cứu một số vấn đề sau:

*Một là*, ảnh hưởng của TLNS PG đến đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay.

*Hai là*, giải pháp nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực của nhân sinh quan PG trong xây và phát triển toàn diện con người Việt Nam.

*Ba là*, giải pháp nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực của PG đến đạo đức của thanh niên Việt Nam hiện nay.

#### 6. Kết luận

Phật giáo với những TLNS mang giá trị nhân bản sâu sắc đã trở thành một bộ phận có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Những nội dung cơ bản trong TLNS PG đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống xã hội Việt Nam trên các phương diện đạo đức, văn hóa nghệ thuật, bảo vệ môi trường. Đặc biệt, với tôn chỉ “đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội” và chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, do đó PG đã và đang ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu của một bộ phận quần chúng nhân dân, góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong gia đoạn hiện nay.

#### Tài liệu tham khảo

Ban Tôn giáo Chính phủ. (2022). *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*.  
 Bình, N. T. (2018). Nhân sinh quan Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo quốc tế: *Tôn giáo và đạo đức trong xã hội hiện đại*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho sinh viên đại học khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

- Chương, H. (Chủ biên, 2010). *Nghệ thuật Phật giáo trong đời sống hôm nay*. Hà Nội: Nxb. Dân trí.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011a). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đạt, T. N. (dịch) (2010). *Đạo Phật và Môi trường*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đức, N. M. (2008). *Triết lý quân sự truyền thống Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần 3: Việt Nam - Hội nhập và phát triển*.
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2005). *Kinh Tăng Chi Bộ. tập 3* (Hoà thượng Thích Minh Châu, dịch). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2022). *Văn kiện đại hội đại biểu Phật giáo Việt Nam toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2022-2027*.
- Hợp, T. D. (2018). Khung tam triết và ứng dụng. *Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị*, 8(45).
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. (2016). *Giáo trình Đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực đời sống xã hội*. Hà Nội: Nxb. Lý luận chính trị.
- Quốc hội. (2013). *Hiến pháp năm 2013*.
- Narada Maha Thera. (2000). *Phật giáo yếu lược* (Thích Trí Chơn, dịch). Nxb. Anada Viet Foundation.
- Nam, P. X. (Chủ biên, 2008). *Triết lý phát triển ở Việt Nam mấy vấn đề cốt yếu*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội
- Phê, P. (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Trung tâm Từ điển học. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
- Quý, H. S. (1998). Mấy suy nghĩ về triết học và triết lý. *Tạp chí Triết học*, số 3, tr.56-59
- Son, N. H. (2014). Kiểu tác gia Hoàng đế - thiền sư - Thi sĩ Trần Nhân Tông với sự phát triển Phật giáo và xã hội Việt Nam hiện đại. *Tạp chí Triết học*, số 2, tr.47-55.
- Stephen J. Laumakis. (2008). *An introduction to Buddhist Philosophy*. Cambridge University Press. Cambridge. USA.
- Trung tâm tư liệu Phật học - Bồ Đề Tân Thanh. (2013). *Con đường giải thoát (giáo lý Phật giáo cơ bản)*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Tuệ, N. Q. (2018). *Triết lý nhân sinh của Đạo gia và ảnh hưởng của nó đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XV-XVIII*. Hà Nội: Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC CỦA TRIẾT LÝ NHÂN SINH PHẬT GIÁO ĐẾN ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

Trần Thị Hoa

Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Email: hoatranthi@hcmut.edu.vn

Nhận bài: 16/6/2024; Phản biện: 01/7/2024; Tác giả sửa: 12/7/2024; Duyệt đăng: 30/7/2024; Phát hành: 30/9/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/319>

Phật giáo là một trào lưu tư tưởng ra đời ở Ấn Độ thế kỷ thứ VI (trước công nguyên), được du nhập vào Việt Nam khoảng thế kỷ II sau công nguyên. Với triết lý nhân sinh như từ bi hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn, luân hồi, nghiệp báo,... Phật giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần xã hội Việt Nam. Đặc biệt, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế những năm gần đây đã tạo điều kiện để các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam, trong đó có Phật giáo đang ngày càng gia tăng sức ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Bài viết này làm rõ những nội dung cơ bản trong triết lý nhân sinh Phật giáo và những ảnh hưởng tích cực của nó đến đời sống xã hội Việt Nam hiện nay trên các phương diện đạo đức, văn hóa, nghệ thuật, bảo vệ môi trường,... Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất khuyến nghị một số nhóm giải pháp nhằm phát huy hơn nữa những nhân tố tích cực, nhân văn của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam trong thời gian sắp tới.

**Từ khóa:** Phật giáo; Triết lý nhân sinh; Tôn giáo; Đời sống xã hội.